

Số: 1909/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo phương pháp, công cụ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ngành tỉnh Sơn La (DDCI Sơn La) năm 2021 “Vì sự phát triển của doanh nghiệp và doanh nhân nữ, giai đoạn 2019-2021”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án “Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Sơn La” sử dụng viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Australia;

Căn cứ Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Văn kiện Dự án “Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2021” sử dụng viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Australia;

Căn cứ Thỏa thuận đối tác giữa Cowater Sogema International INC và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La lập ngày 01/8/2019;

Căn cứ quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc Phê duyệt đề xuất Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Huyện và Sở ngành tỉnh Sơn La (DDCI) vì sự phát triển của doanh nghiệp và doanh nhân Nữ tại Sơn La giai đoạn 2019-2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 332/TTr-SKHĐT ngày 06 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo phương pháp, công cụ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban, ngành tỉnh Sơn La (DDCI Sơn La) năm 2021 “Vì sự phát triển của doanh nghiệp và doanh nhân nữ hướng tới phát triển kinh tế xã hội bao trùm tại Sơn La giai đoạn 2019-2021” như sau:

1. Tên báo cáo: Báo cáo phương pháp, công cụ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban, ngành (DDCI Sơn La) năm 2021 “Vì sự phát triển của doanh nghiệp và doanh nhân nữ hướng tới phát triển kinh tế xã hội bao trùm tại Sơn La giai đoạn 2019-2021”.

- Tên viết tắt: Báo cáo phương pháp luận Chỉ số DDCI Sơn La năm 2021.

2. Mục tiêu:

Việc bổ sung, hoàn thiện phương pháp, công cụ Chỉ số DDCI Sơn La nhằm tạo sự cạnh tranh trong công tác chỉ đạo, quản lý chất lượng điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh trên cơ sở khảo sát, điều tra mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi cơ quan, đơn vị, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, bao trùm các vấn đề về đáp ứng giới và phát triển bền vững.

Xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của chính quyền các địa phương đối với cộng đồng sản xuất kinh doanh.

Cung cấp cho lãnh đạo tỉnh một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố. Phản hồi của cộng đồng cơ sở SXKD qua điều tra DDCI cung cấp những thông tin chân thực, khách quan về quá trình thực hiện thủ tục hành chính và làm việc với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố.

DDCI giúp lãnh đạo tỉnh xác định được những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại chính các đơn vị sở, ban, ngành và huyện, thành phố, để từ đó nhân rộng ra các đơn vị khác; DDCI hỗ trợ lãnh đạo các sở, ban, ngành, huyện, thành phố cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị mình.

DDCI nhằm chỉ ra những khó khăn, hạn chế mà chủ các cơ sở SXKD là nữ gặp phải (so với chủ các cơ sở SXKD là nam giới).

Tạo kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến với chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành nắm bắt, thu thập kịp thời các khó khăn, vướng mắc của cộng đồng sản xuất kinh doanh tại địa phương, để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp hiệu quả, kịp thời và thiết thực.

3. Nội dung báo cáo, gồm 04 phần, cụ thể như sau:

- Phần 1: Bối cảnh xây dựng phương pháp luận DDCI Sơn La

- Phần 2: Phương pháp khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI Sơn La

- Phần 3: Nội dung cơ bản của Chỉ số DDCI Sơn La, gồm:

+ Xếp hạng năng lực cạnh tranh 12 huyện, thành phố với 11 nhóm chỉ số thành phần tổng hợp từ 89 chỉ tiêu cốt lõi và 03 chỉ số thành phần mở rộng gắn với 17 chỉ tiêu được lấy từ chỉ tiêu cốt lõi, cụ thể:

Đơn vị được đánh giá: Thành phố Sơn La và 11 huyện: Bắc Yên, Mai Sơn, Mộc Châu, Mường La, Phù Yên, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu, Vân Hồ, Yên Châu.

Gồm 11 chỉ số thành phần: (1) Chi phí gia nhập thị trường; (2) Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh; (3) Hiệu quả trong cấp phép và thanh tra, kiểm tra; (4) Hiệu quả thủ tục thuế; (5) Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo huyện; (6) Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình; (7) Minh bạch thông tin và đối xử công bằng; (8) Hiệu quả cải cách thủ tục hành chính và bộ phận một cửa; (9) Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh; (10) Chi phí không chính thức; (11) Hiệu quả của công tác an ninh trật tự đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn.

Chỉ số thành phần mở rộng: (1) Ứng dụng công nghệ thông tin (Chính phủ điện tử); (2) Chi phí thời gian, thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công; (3) Phát triển bền vững và bao trùm.

+ Xếp hạng năng lực cạnh tranh của 22 sở, ban, ngành với 06 nhóm chỉ số thành phần gắn với 38 chỉ tiêu cốt lõi và 03 chỉ số thành phần mở rộng gắn với 13 chỉ tiêu được lấy từ chỉ tiêu cốt lõi, cụ thể: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (2) Sở Giao thông vận tải; (3) Sở Xây dựng; (4) Sở Tài nguyên và Môi trường; (5) Cục Thuế tỉnh; (6) Chi cục Hải quan Sơn La; (7) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; (8) Bảo hiểm Xã hội tỉnh; (9) Sở Công Thương; (10) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (11) Sở Y Tế; (12) Sở Giáo dục và Đào tạo; (13) Sở Khoa học và Công nghệ; (14) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (15) Sở Thông tin và Truyền thông; (16) Sở Tư pháp; (17) Sở Tài chính; (18) Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và CNCH – Công an tỉnh; (19) Ngân hàng nhà nước tỉnh Sơn La; (20) Điện lực Sơn La; (21) Chi cục Quản lý thị trường Sơn La; (22) BQL các khu công nghiệp tỉnh.

Gồm 06 chỉ số thành phần: (1) Hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch; (2) Chất lượng dịch vụ công; (3) Minh bạch thông tin đối xử công bằng; (4) Tính năng động và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo; (5) Chi phí không chính thức; (6) Hỗ trợ kinh doanh và doanh nghiệp.

Chỉ số thành phần mở rộng: (1) Ứng dụng công nghệ thông tin (Chính phủ điện tử); (2) Chi phí thời gian, thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công; (3) Phát triển bền vững và bao trùm.

- Phần 4: Tổ chức thực hiện.

- Phiếu khảo sát cấp huyện và sở ban ngành DDCI Sơn La năm 2021.

(Có Báo cáo phương pháp, công cụ Chỉ số DDCI Sơn La năm 2021 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Báo cáo phương pháp, công cụ chỉ số DDCI Sơn La năm 2021 được UBND tỉnh phê duyệt, khẩn trương phối hợp

với các đơn vị liên quan tiến hành điều tra, khảo sát, phân tích và công bố chỉ số DDCI Sơn La năm 2021 đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng Sở, ban, ngành và địa phương. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần tiếp tục điều chỉnh nội dung của phương pháp luận tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Sở Thông tin truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Sơn La, Báo Sơn La, Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La, Cổng thông tin điện tử các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh cùng các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền về Báo cáo phương pháp luận Chỉ số DDCI Sơn La; Kịp thời đưa tin về quá trình điều tra, khảo sát, lấy ý kiến, đánh giá thẳng thắn, khách quan từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3. Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị tư vấn và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện, cung cấp danh sách, điều tra, khảo sát, đánh giá kết quả, công bố DDCI Sơn La năm 2021...

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có tên trong danh sách đánh giá; Cục Thống kê tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *LS*

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Tổ công tác DDCI tỉnh;
- Như điều 3;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Tư vấn quản lý dự án;
- VP UBND tỉnh (LĐ, Trung tâm thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải) 15b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

BÁO CÁO PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP HUYỆN VÀ SỞ BAN NGÀNH TỈNH SƠN LA NĂM 2021

*“Vì sự phát triển của Doanh nghiệp và Doanh nhân nữ
hướng tới phát triển Kinh tế Xã hội bao trùm, tại Sơn La,
giai đoạn 2019 – 2021”*



GREAT



MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
1. BỐI CẢNH.....	3
2. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT VÀ XẾP HẠNG	11
2.1. Cấu trúc bộ chỉ số.....	11
2.2. Phương pháp khảo sát	11
2.3. Phương pháp chọn mẫu và cỡ mẫu	12
2.4. Cách thức tiếp cận điều tra.....	12
2.5. Xử lý dữ liệu và xếp hạng	15
3. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP HUYỆN VÀ SỞ BAN NGÀNH.....	17
A. DDCI CẤP HUYỆN	17
B. DDCI SỞ BAN NGÀNH	29
4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	40
4.1. Kế hoạch thực hiện.....	40
4.2. Cơ chế phối hợp thực hiện	40

1. BỐI CẢNH

Những năm gần đây, nâng cao năng lực cạnh tranh đã mang lại nhiều thành công trong phát triển kinh tế cho Việt Nam. Chính vì vậy, dù ở cấp độ quốc gia hay địa phương, vai trò của cải thiện môi trường kinh doanh trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu. Tiếp nối sự thành công của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhiều địa phương trong cả nước đã xây dựng chương trình hành động, cải thiện riêng cho mình và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở ban ngành (DDCI) được thực hiện tại Sơn La từ năm 2019. Chỉ số DDCI do Dự án “Thúc đẩy Bình đẳng giới thông qua Nâng cao Hiệu quả kinh tế Sản xuất Nông nghiệp và Phát triển Du lịch tại hai tỉnh Sơn La và Sơn La” (GREAT)¹ của Chính phủ Úc tài trợ, để đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền huyện, sở, ngành tại Sơn La, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2020 của 21 sở, ngành và 12 huyện, thành phố, trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá của 1.300 phiếu đối với 500 doanh nghiệp, hợp tác xã và 800 hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Việc khảo sát, đánh giá dựa trên phương pháp luận khoa học, kết quả đánh giá DDCI Sơn La năm 2020 phản ánh khách quan, trung thực cảm nhận của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn đối với kết quả quản lý, điều hành kinh tế, xã hội của chính quyền cấp huyện và các sở, ngành được lựa chọn điều tra, khảo sát.

Bên cạnh đó, báo cáo cũng đã được điều chỉnh (bao gồm cả bảng hỏi, công cụ, khung phân tích) để đảm bảo đáp ứng giới ở mức độ cao hơn. Các nội dung về đáp ứng giới được thể hiện thông qua phương pháp luận, các phiếu khảo sát, quá trình triển khai thực hiện khảo sát, cũng như trong quá trình phân tích số liệu, phân tích thông tin sau này. Sơn La cũng là một trong số hai tỉnh đầu tiên thực hiện thành công việc lồng ghép các chỉ số về phát triển bền vững, phát triển bao trùm (đặc biệt là các vấn đề về bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, sinh thái, các giá trị văn hóa, lịch sử...) trong công tác quản lý, điều hành kinh tế.

Thực tế cho thấy trong quản trị địa phương hiện nay, các chính sách đề cập đến yếu tố giới còn chưa đầy đủ, việc thực thi và tạo điều kiện cho phụ nữ và các nhóm thiệt thòi trong xã hội làm chủ kinh tế còn nhiều khó khăn. “Một phần là do các mục tiêu quản trị, hệ thống và dịch vụ ở tất cả các cấp được xác định, thiết kế và quản lý chủ yếu bởi nam giới, và ra quyết định chính bởi nam giới. Do đó nó thường thể hiện các ưu tiên và quan điểm của nam giới. Ngay cả khi phụ nữ được

¹ Chương trình GREAT –Chương trình Bình đẳng giới thông qua Nâng cao hiệu quả kinh tế cho phụ nữ trong nông nghiệp và phát triển Du lịch (2017-2021), do Bộ Ngoại giao và Thương Mại của Ostralia tài trợ (DFAT). GREAT nhằm mục đích nâng cao vị thế trong kinh tế và xã hội của phụ nữ tại các cộng đồng tại 2 tỉnh Lào Cai và Sơn La, giúp phụ nữ dân tộc thiểu số được tham gia và hưởng lợi bình đẳng vào lĩnh vực nông nghiệp và du lịch tại địa phương.

nhằm làm mục tiêu, thì các nhu cầu và mong đợi của phụ nữ cũng là dựa trên các giả định của nam giới. Ngoài ra, nếu phụ nữ có được tham gia quản lý, ra quyết định (cùng với nam giới), thì cũng thường bị hạn chế bởi thiếu thông kê đáp ứng giới và chính xác thông tin về hoàn cảnh và nhu cầu của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở các nhóm thiệt thòi”² Trong thực tế, doanh nghiệp nữ và doanh nghiệp của các nhóm thường gặp nhiều rào cản hơn (trình độ học vấn, khả năng giao tiếp, tự tin ...) so với nam giới, dẫn tới việc tiếp cận và hưởng lợi hạn chế hơn;

Thực hiện DCCI tính đến yếu tố giới và bao trùm dựa trên: quyền tiếp cận thông tin, sử dụng và hưởng lợi dịch vụ, luật bình đẳng giới...giúp DN/HTX/HKD của phụ nữ được tiếp cận với các dịch vụ, cho phép họ phát triển và sử dụng đầy đủ khả năng của mình để phát triển doanh nghiệp, và hỗ trợ họ thực hiện đầy đủ các quyền tiếp cận thông tin, sử dụng và hưởng lợi dịch vụ và quyền bình đẳng của phụ nữ.

Tác động tiềm năng của dự án nhằm tạo những cú hích cho các huyện/thành phố và sở, ban, ngành trong việc ban hành và thực hiện các chính sách cải thiện môi trường kinh doanh nói chung, nâng cao đời sống phụ nữ nông thôn, DTTS nói riêng. Những kết quả trên cũng chính là cơ sở thể hiện rõ các khác biệt giữa các cơ sở SXKD của nam và nữ trong các vấn đề này. Báo cáo DCCI sẽ góp phần tìm hiểu các khó khăn mà cơ sở SXKD do phụ nữ làm chủ đang gặp phải trong việc tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi từ các dịch vụ để phát triển. Năm 2021, bên cạnh các chỉ tiêu đáp ứng giới được phân tích, một số chỉ tiêu tạo chỉ ra sự khác biệt rõ rệt trong cách tiếp cận các vấn đề trên giữa chủ cơ sở là nam giới và nữ giới cũng được bổ sung, làm rõ.

Phần tiếp sau đây sẽ lần lượt chỉ rõ các thay đổi chính.

Nguyên tắc xây dựng DCCI

Sự kết hợp giữa thực tế của Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế và quá trình triển khai DCCI trong những năm vừa qua cho thấy một số thông lệ tốt về điều hành và quản trị kinh tế được các cơ sở SXKD kỳ vọng và phù hợp với khả năng đáp ứng các cơ quan chính quyền cấp địa phương tại Việt Nam đồng thời hướng tới phát triển kinh tế xã hội bao trùm bao gồm:

1. Hiệu quả trong thực hiện chính sách và quy định pháp luật với tinh thần vì DN/HTX/HKD
2. Chất lượng dịch vụ công liên tục được cải thiện với ứng dụng ngày một hiệu quả của chính phủ điện tử
3. Minh bạch thông tin và đối xử công bằng với DN/HTX/HKD
4. Lãnh đạo chính quyền năng động, tiên phong, lắng nghe và hành động vì DN/HTX/HKD

² Nguồn: A User’s Guide to Measuring Gender-Sensitive Basic Service Delivery, UNDP (2009).

5. Đối thoại thường xuyên có trách nhiệm với doanh nghiệp và đề cao trách nhiệm giải trình
6. Gia nhập thị trường dễ dàng, thuận tiện với chi phí thấp
7. Dễ dàng và minh bạch trong tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh
8. Hiệu quả trong hoạt động cấp phép và thanh tra, kiểm tra
9. Thủ tục thuế đơn giản, thuận lợi, minh bạch và công bằng
10. Thủ tục hành chính được cải thiện mạnh mẽ và bộ phận một cửa hoạt động hiệu quả
11. Hoạt động hỗ trợ kinh doanh thiết thực, hiệu quả, công bằng.
12. Chi phí không chính thức được đẩy lùi
13. Các nội dung phát triển bao trùm, xã hội và bình đẳng giới được quan tâm
14. Môi trường, sinh thái được chú trọng trong công tác điều hành, quản lý kinh tế
15. Các giá trị văn hóa, lịch sử được chú trọng bảo tồn trong quá trình điều hành, quản lý kinh tế.

Các thông lệ tốt này được hình thành trên cơ sở các khảo sát đối với cộng đồng DN/HTX/HKD trong quá trình xây dựng và triển khai DDCI trong những năm vừa qua, nghiên cứu các tài liệu và quy định về vai trò, nhiệm vụ và chức năng quản lý của cơ quan chính quyền địa phương, cũng như các thông lệ quốc tế. Đặc biệt, các nguyên tắc và phương pháp xây dựng DDCI đã tính toán dựa trên đón đầu sự thay đổi. Nhóm chuyên gia tính đến sự thay đổi cơ cấu trong quản lý, chức năng và nhiệm vụ các sở, ban, ngành để đảm bảo tính bền vững trong dài hạn. Trong quá trình thực hiện, nhóm chuyên gia cũng tham vấn nhiều cơ quan cấp trung ương và lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước... để đảm bảo tính phù hợp và tính khoa học của phương pháp luận, các chỉ số, chỉ tiêu đánh giá chất lượng điều hành, quản lý kinh tế của cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Đối tượng sử dụng DDCI

Báo cáo và dữ liệu DDCI trở thành một nguồn thông tin hữu ích và được sử dụng phổ biến cho nhiều tổ chức, cá nhân khác nhau:

- Những nhà đầu tư đã, đang và sắp có ý định đầu tư vào địa bàn tỉnh... bao gồm cả những doanh nghiệp vi mô do phụ nữ làm chủ trong hai ngành du lịch và nông nghiệp

- Hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp, HTX, HKD thông qua DDCI như một kênh hữu ích để phản ánh tiếng nói của mình tới các cấp chính quyền và các cơ quan, đồng thời giúp tăng cường hoạt động đối thoại, kiến nghị chính sách để cải thiện môi trường kinh doanh, bao gồm cả các cơ sở sản xuất kinh doanh do phụ nữ làm chủ và cơ sở sản xuất kinh doanh do các đối tượng thuộc nhóm thiệt thòi làm chủ.
- Lãnh đạo các địa phương và các cấp sở, ban, ngành sử dụng DDCI như một công cụ hữu ích trong công tác chỉ đạo, điều hành quản lý kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư cũng như đẩy mạnh quá trình cải cách tại địa phương.
- Các nhà hoạch định chính sách có thể tham khảo thông tin từ bộ chỉ số DDCI để làm cơ sở cho các chính sách cải cách phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của DN, HTX, HKD tại Sơn La.
- Các cán bộ nguồn ở địa phương, các sở, ban, ngành và tư vấn địa phương có thể sử dụng DDCI để triển khai, lên phương án cải thiện DDCI.
- Các cơ quan, tổ chức, học giả nghiên cứu cũng có thể sử dụng DDCI để đánh giá các chương trình hỗ trợ tại tỉnh và các công trình nghiên cứu khoa học khác.

Mục tiêu DDCI

Mục tiêu tổng thể của việc triển khai DDCI là thúc đẩy cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tại mỗi tỉnh, thành phố, tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi, thông thoáng, minh bạch tại địa phương, bao trùm các vấn đề về đáp ứng giới và phát triển bền vững.

DDCI hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

- DDCI nhằm mục tiêu xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của chính quyền các địa phương đối với cộng đồng sản xuất kinh doanh. Đây cũng chính là hoạt động góp phần thực hiện yêu cầu của Chính phủ trong thời gian gần đây về chuyển từ chính quyền quản lý sang xây dựng chính quyền phục vụ.

- DDCI cung cấp cho lãnh đạo tỉnh, thành phố một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các sở, ban, ngành, và huyện, thành phố. Phản hồi của cộng đồng cơ sở SXKD qua điều tra DDCI cung cấp những thông tin chân thực, khách quan về quá trình thực hiện thủ tục hành chính và làm việc với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố. Đây chính là nguồn thông tin tham khảo độc lập, khách quan cho các nhà lãnh đạo tỉnh, thành phố để có chỉ đạo kịp thời nhằm cải thiện chất lượng hoạt động của các đơn vị có liên quan.

- DDCI giúp lãnh đạo tỉnh, thành phố xác định được những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại chính các đơn vị sở, ban, ngành và huyện, thành phố, để từ đó nhân rộng ra các đơn vị khác. Đây cũng là cách đề khích lệ và phát huy sự năng động, sáng tạo của cán bộ và các sở, ban, ngành và huyện, thành phố trong việc thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, thành phố về nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, đặc biệt trong một số trường hợp như thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như dịch Covid-19).

- DDCI hỗ trợ lãnh đạo các sở, ban, ngành, huyện, thành phố cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị mình. Kết quả điều tra DDCI giúp lãnh đạo các đơn vị nhận diện rõ những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động của mỗi sở, ban, ngành, huyện, thành phố trong diện đánh giá. Từ đó, lãnh đạo các đơn vị có thể xác định trọng tâm cải cách, lựa chọn và triển khai các giải pháp phù hợp thực tế và kịp thời.

- DDCI hướng tới tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh giữa các sở, ban, ngành và huyện, thành phố trong việc cải thiện mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi đơn vị, cơ quan, từ đó góp phần vào nỗ lực chung của chính quyền tỉnh, thành phố trong việc tạo lập môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- DDCI nhằm tạo ra kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến đối với chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành trong việc nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư tại địa phương. Việc triển khai DCCI sẽ giúp nắm bắt, thu thập thường xuyên các khó khăn, vướng mắc của cộng đồng sản xuất kinh doanh tại địa phương, phản ánh kịp thời tới các cơ quan nhà nước có liên quan tại tỉnh, thành phố để có giải pháp xử lý nhanh chóng và hiệu quả.

- DDCI chỉ ra khía cạnh giới trong phân tích các chỉ số thành phần và một số chỉ tiêu cốt lõi

- DDCI nhằm chỉ ra những khó khăn/vấn đề cụ thể mà chủ các cơ sở SXKD là nữ gặp phải (so với chủ các cơ sở SXKD là nam giới). Từ đó, DDCI nhận diện các điểm yếu về mức độ đáp ứng giới của các thủ tục hành chính, dịch vụ công, các hoạt động hỗ trợ để các huyện/thành phố và sở ban ngành hiểu mức độ đáp ứng giới của đơn vị mình khi thực hiện các chức năng và làm gì để cải thiện mức độ đáp ứng giới.

Giới, Xã hội, và Môi trường, Giá trị Văn hóa, Lịch sử

Nội dung và phương pháp tiếp cận mới của DDCI đã đặc biệt chú trọng tới vấn đề về bình đẳng giới, môi trường và các khía cạnh xã hội, phát triển bền vững và phát triển bao trùm thông qua việc lồng ghép các yếu tố này vào toàn bộ quá trình khảo sát, điều tra, công bố kết quả, lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế

hoạch hành động. Đặc biệt, phương pháp tiếp cận mới của DDCI Sơn La bổ sung những nội dung phân tích làm nổi bật khía cạnh giới để đánh giá được mức độ đáp ứng giới từ phản ánh của các cơ sở kinh doanh về hoạt động điều hành và quản lý kinh tế của cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành cấp tỉnh. Phương pháp tiếp cận chú trọng bình đẳng giới này của DDCI Sơn La được xây dựng dựa trên nguyên tắc nâng quyền kinh tế của phụ nữ của GREAT. Cụ thể, cách tiếp cận nâng quyền kinh tế của phụ nữ do GREAT xây dựng tập trung vào ba cấp độ:

- Tiếp cận: Thu hút phụ nữ tham gia mọi hoạt động
- Lợi ích: Cải thiện điều kiện kinh tế của phụ nữ
- Nâng quyền: Tăng cường năng lực của phụ nữ để đưa ra quyết định lựa chọn và hành động.

Khung công cụ thực hiện nâng quyền kinh tế của phụ nữ của GREAT được thể hiện ở bảng dưới đây:

Công cụ thực hiện (Tiếp cận nguồn lực)			Quyền thực hiện (Quyền năng và làm chủ)		
Tiếp cận Tài sản	Tiếp cận Dịch vụ Tài chính	Tiếp cận Dịch vụ Hỗ trợ	Ra quyết định	Tự tin	Năng lực
Đất đai, cây cối, công cụ	Vay tín chấp	Bí quyết & Công nghệ	Nguồn lực sản xuất	Tự trọng	Năng lực kinh doanh
Mạng lưới và thông tin thị trường	Tài khoản ngân hàng, tín dụng và bảo hiểm	Đào tạo kỹ năng	Chi tiêu, thu nhập	Tin vào kỹ năng bản thân	Làm chủ
Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất	Ngân hàng di động	Đầu vào (giống, phân, đầu vào du lịch...)	Bình đẳng ra quyết định và chia sẻ công việc	Rủi ro: - An toàn và sức khoẻ -Bạo lực giới	Quản lý

Công cụ thực hiện (Tiếp cận nguồn lực)			Quyền thực hiện (Quyền năng và làm chủ)		
				-Lao động trẻ em	
Cải thiện môi trường hỗ trợ nâng quyền kinh tế cho phụ nữ					

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản này, hợp phần về giới của DDCI Sơn La chú trọng đánh giá một số nội dung như sau:

DDCI và công nghệ 4.0

Trên kinh nghiệm và thực tiễn triển khai DDCI của các tỉnh, Economica Vietnam tiếp tục nâng cấp và cải thiện phương pháp luận cũng như cách thức triển khai DDCI tại cấp tỉnh. Phương pháp luận được cải tiến cũng cho phép sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai DDCI. Cho phép kết hợp khảo sát trực tiếp với khảo sát online lên hệ thống. Hộ kinh doanh/doanh nghiệp/hợp tác xã có thể sử dụng phiếu khảo sát online, được thiết kế dễ nhiều và dễ áp dụng. Bên cạnh đó, kết quả tiếp tục có thể trả về trực tiếp trên trang web Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Sơn La (chuyên đề về DDCI), tiếp nối kết quả và so sánh với năm 2020.

2. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT VÀ XẾP HẠNG

2.1. Cấu trúc bộ chỉ số

Tiếp nối DDCI năm 2020, DDCI Sơn La năm 2021 gồm hai nhóm chỉ số: (i) chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và (ii) chỉ số năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành.

Mỗi nhóm chỉ số được hình thành từ các chỉ số thành phần cốt lõi. Điểm số chỉ số thành phần cốt lõi là điểm số tổng hợp từ các chỉ tiêu. Các chỉ tiêu được mô phỏng thông qua câu hỏi cụ thể, thiết thực và gắn gũi với đối tượng khảo sát.

2.2. Phương pháp khảo sát

Mục đích điều tra: Thu thập thông tin từ các cơ sở SXKD của tỉnh Sơn La về cảm nhận, đánh giá của họ đối với năng lực điều hành kinh tế và nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của chính quyền địa phương tại các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Những đánh giá tổng hợp này sẽ được chính quyền cấp tỉnh sử dụng, làm cơ sở cho việc đề ra các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các địa phương cấp huyện và các sở, ban, ngành.

Đối tượng điều tra: năm 2021, đối tượng điều tra DDCI được miêu tả chi tiết hơn trong phương pháp luận, cụ thể như sau;

Các hộ kinh doanh cá thể, cá nhân kinh doanh, HTX đăng ký tại cấp huyện/thành phố, tổ hợp tác đánh giá các phiếu khảo sát DDCI cấp huyện/thành phố (đánh giá năng lực quản trị, điều hành kinh tế cấp huyện/thành phố).

Các doanh nghiệp hoặc HTX đăng ký tại cấp tỉnh đánh giá phiếu khảo sát DDCI sở, ban, ngành (đánh giá năng lực quản trị, điều hành kinh tế cấp sở, ban, ngành).

Trong một số trường hợp, các hộ kinh doanh cá thể có thể tham gia đánh giá phiếu sở, ban, ngành trong trường hợp hộ kinh doanh đó thực sự đã thực hiện thủ tục hành chính với sở, ban, ngành hoặc thực sự có sự tương tác với sở, ban, ngành (ví dụ như qua cấp phép, thanh tra, kiểm tra...). Tương tự, những doanh nghiệp có nhiều tương tác với chính quyền cấp huyện/thành phố và hiểu biết về chính quyền cấp huyện/thành phố cũng có thể trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp huyện/thành phố đối với huyện/thành phố mà mình có hiểu biết nhất hoặc nơi mình đăng ký kinh doanh, đặt trụ sở hoặc có hoạt động kinh doanh chính.

Phạm vi điều tra: 12 huyện, thành phố của tỉnh Sơn La (thành phố Sơn La và 11 huyện: Bắc Yên, Mai Sơn, Mộc Châu, Mường La, Phù Yên, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu, Vân Hồ, Yên Châu).

Thời gian điều tra: tháng 09-10/2021 (dự kiến)

Thời kỳ thu thập dữ liệu: Các thông tin khảo sát liên quan tới cảm nhận của đối tượng về tình trạng của vấn đề được hỏi tại địa phương (huyện/thành phố) mình trong khoảng thời gian 2 năm gần nhất và tập trung vào thông tin của năm gần nhất.

Phiếu điều tra: Áp dụng 02 loại phiếu điều tra trong điều tra, khảo sát. Áp dụng 02 loại phiếu điều tra trong điều tra, khảo sát: (i) Mẫu phiếu 1 dành cho nhóm đối tượng là các chủ cơ sở SXKD dành cho DDCI cấp huyện và (ii) Mẫu phiếu 2 dành cho các chủ (hoặc cấp quản lý) DN, HTX (và đối với một số trường hợp là các hộ kinh doanh) dành cho DDCI Sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

Loại điều tra: Điều tra chọn mẫu bằng phỏng vấn (sample survey interview) tiếp tục là phương pháp chính, kết hợp điều tra trực tuyến và gửi thư (phương pháp bổ sung)

2.3. Phương pháp chọn mẫu và cỡ mẫu

DDCI cấp huyện: phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đồng tỷ lệ.

Dự kiến tổng cỡ mẫu của điều tra DDCI dành cho phiếu cấp huyện là 800 cơ sở SXKD tại địa phương (hộ kinh doanh, DN/HTX). Cỡ mẫu này được tính toán để đảm bảo tính khoa học của chỉ số và hiệu quả của nguồn lực tài chính trong giới hạn cho phép.

DDCI sở, ban, ngành: nguyên tắc chính là các doanh nghiệp/hộ kinh doanh và hợp tác xã đã từng tìm hiểu, sử dụng dịch vụ công và thủ tục hành chính tại các sở ban ngành.

Cỡ mẫu DDCI sở ban ngành dự kiến là 500 DN/HTX (một số ít HKD có thực hiện TTHC hoặc sử dụng dịch vụ công tại các sở ban ngành)

Đảm bảo tỷ lệ mẫu nhất định là nữ giới tham gia điều hành kinh tế hoặc quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh và tỷ lệ mẫu trong ngành du lịch, nông – lâm – ngư nghiệp.

2.4. Cách thức tiếp cận điều tra

Điều tra trực tiếp tiếp tục là phương pháp chủ yếu

Điều tra DDCI sử dụng cách tiếp cận là phỏng vấn trực tiếp các chủ cơ sở SXKD tại địa phương theo danh sách mẫu đã được lựa chọn là phương pháp chính (với các lý do chi tiết đã được trình bày trước đó). Bộ trí đơn vị chịu trách nhiệm chính về việc thu thập số liệu thông qua mạng lưới các điều tra viên ở các địa phương.

Với trường hợp của Sơn La, điều tra trực tiếp là cách thức chủ yếu, do một số nguyên nhân chính sau:

- Tỷ lệ phản hồi của điều tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất kinh doanh cao hơn so với điều tra bằng bản giấy, khảo sát trực tiếp tại Trung tâm hành chính công hay bộ phận một cửa hoặc khảo sát bằng phiếu điện tử. Thực tế các dự án DDCI mà Economica đã triển khai ở Lào Cai, Sơn La tỷ lệ phản hồi lên tới hơn 90-95%. Trong khi tỷ lệ phản hồi của các hình thức như phiếu giấy, phiếu điện tử chỉ đạt khoảng 15-30%.

- Điều tra trực tiếp tại cơ sở SXKD đảm bảo chất lượng trả lời của phiếu hỏi do tiếp cận được đúng đối tượng trả lời phỏng vấn (thường là chủ cơ sở SXKD hoặc người phụ trách, có chuyên môn trả lời), giải đáp được những nội dung người trả lời thắc mắc. Đặc biệt, đối với các HKD là người dân tộc thiểu số, khó khăn trong việc đọc hiểu toàn bộ phiếu hỏi cũng như khả năng tiếp cận công nghệ thông tin còn thấp nên khó có thể trả lời qua phiếu khảo sát trực tuyến hay khảo sát bằng giấy.

- Tuy nhiên, trong bối cảnh thiên tai dịch bệnh có nhiều biến đổi phức tạp hiện nay, nhóm chuyên gia cũng sẵn sàng chuẩn bị và hoàn toàn đáp ứng điều kiện kĩ thuật và kinh nghiệm để thực hiện các các phương án pháp như khảo sát trực tuyến, gửi thư...

Năm 2021, DDCI Sơn La bổ sung thêm phương pháp điều tra trực tuyến (khảo sát bằng phiếu điện tử trên Cổng thông tin điện tử, trang DDCI của tỉnh, Trang dịch vụ công trực tuyến...) khoảng 10% bên cạnh việc phỏng vấn trực tiếp nhằm hỗ trợ việc thu thập thêm phiếu khảo sát tại tỉnh.

Tiếp tục hoàn thiện điều tra hỗ trợ, kết hợp khảo sát online trên nền tảng webform và thí nghiệm gửi thư cho các cơ sở SXKD

Thực tế, từ năm 2020, DDCI Sơn La kết hợp khảo sát online trên nền tảng webform. Tuy nhiên số liệu thu về vẫn được kiểm soát chặt chẽ bởi Cục thống kê và đơn vị tư vấn. (Khảo sát bằng phiếu điện tử trên Cổng thông tin điện tử, trang DDCI của tỉnh, trang dịch vụ công trực tuyến...). Tuy nhiên, do năm đầu triển khai nên vẫn còn những bất cập nhất định. Năm 2021, nhóm chuyên gia đã tiếp tục nâng cấp không ngừng phần mềm, cho phép khảo sát qua điện thoại, máy tính cá nhân. Đồng thời, cho phép các cơ sở SXKD không cần gửi phiếu giấy về đối chiếu với Cục thống kê (như năm 2021). Tuy nhiên, tất cả các phiếu online đều cần gọi điện kiểm tra trực tiếp để đảm bảo đúng phiếu và đúng đối tượng. Bên cạnh đó, dựa trên danh sách do Cục thống kê và các sở ban ngành cung cấp, thí điểm gửi thư (hoặc email) cho các cơ sở SXKD. Tuy nhiên, kết quả thu về cần được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo các cơ sở SXKD tham gia khảo sát có sự hiểu biết về đơn vị đánh giá.

Vai trò của Đơn vị điều tra tại tỉnh (Cục Thống kê):

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố thu thập danh sách tổng thể các đối tượng điều tra (các sở sở kinh tế gồm hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX) với các thông tin liên lạc chi tiết trên cơ sở phương pháp bên Tư vấn đưa ra, và cung cấp cho đơn vị Tư vấn xây dựng mẫu điều tra khảo sát
2. Điều tra (Kết hợp nhiều hình thức) đồng thời mã hóa số liệu, nhập liệu
3. Giám sát, kiểm tra về tính xác thực của công tác phỏng vấn qua điện thoại đối với 15% số phiếu (15% sẽ do đơn vị tư vấn kiểm tra, xác thực độc lập).

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực Hiệp hội Doanh nghiệp tại địa phương, khảo sát DDCI Sơn La dự kiến phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các tổ chức đoàn thể xã hội ở địa phương như các câu lạc bộ phụ nữ, doanh nhân nữ (trực thuộc Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh). Hiệp hội có thể tham gia với vai trò giám sát, hoặc hỗ trợ, tổ chức, thúc đẩy các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh tại địa phương.

Đảm bảo an toàn, quản lý rủi ro và đảm bảo thông tin thu thập hiệu quả

Nguyên tắc khảo sát này là dựa trên cảm nhận, đánh giá của người được phỏng vấn về chính quyền huyện/thành phố và sở ban ngành có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Do đó, để đảm bảo chủ các sở sở sản xuất kinh doanh, đặc biệt là phụ nữ, người dân tộc thiểu số và các đối tượng thuộc nhóm thiệt thòi (do tập quán văn hóa và sự tự tin, các yếu tố khác...) sẵn sàng, cởi mở chia sẻ cảm nhận của bản thân, cần đảm bảo tốt công tác tuyên truyền, tập huấn điều tra viên. Việc phỏng vấn, điều tra cũng phụ thuộc nhiều vào kỹ năng và thái độ của cán bộ đi phỏng vấn sao cho người được phỏng vấn cởi mở, trung thực và có trách nhiệm với câu trả lời, không sợ bị truy xét, chất vấn hoặc ảnh hưởng. Do đó, khảo sát DDCI luôn chú trọng đến việc đảm bảo tính an toàn, các yếu tố giới, tôn trọng đa dạng văn hóa/dân tộc, bảo mật thông tin, đồng thời khích lệ sự chia sẻ, thẳng thắn của các chủ cơ sở SXKD...

Một số khái niệm mới như bình đẳng giới, phát triển bao trùm, nhóm thiệt thòi... được giải thích chi tiết trong sổ tay điều tra viên, tài liệu truyền thông và tập huấn điều tra viên. Phiếu khảo sát cho phép người trả lời bỏ qua một số câu hỏi mà họ không biết hoặc không có câu trả lời để đảm bảo tính khách quan trung thực. Tuy nhiên, phải đảm bảo ít nhất 80% phiếu trả lời. Điều tra viên khéo léo, linh hoạt để người trả lời cởi mở, tự tin chia sẻ.

Bên cạnh đó, như đã trình bày trước đó, năm 2021, khảo sát DDCI kết hợp khảo sát online qua webform, cung cấp thêm công cụ để tất cả các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, đặc biệt là phụ nữ, phụ nữ dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm thiệt thòi khác có thể tự tin, nâng cao vai trò tiếng nói của chủ sở sở SXKD là phụ nữ trong xã hội. Công cụ thiết kế theo hướng đơn giản, tiện dụng và dễ sử dụng với người dùng, đính kèm hướng dẫn cụ thể.

2.5. Xử lý dữ liệu và xếp hạng

Tính điểm các chỉ số thành phần

Nhóm nghiên cứu đưa ra cách thức chuẩn hóa điểm cho các chỉ số DDCI theo thang điểm từ 1-5 theo mức độ cảm nhận từ *Rất xấu* đến *Tốt* (cảm nhận tốt dần lên). Các thông số đều được sắp xếp theo hướng tích cực tăng dần (giá trị càng cao càng tốt).

Đến đây, việc tính toán điểm chỉ số thành phần ở mỗi huyện được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả thông số của huyện đó. Do đó, cách tính điểm chỉ số thành phần thông thường sẽ theo phương thức lấy bình quân điểm các thông số:

$$Dict_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

$Dict_t$: điểm chỉ số thành phần thứ t; có 11 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên t nhận giá trị từ 1-11;

m: số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần $Dict_t$; tùy từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

$P_1, P_2, P_3, \dots, P_m$: là điểm số của chỉ tiêu thứ 1;2;3;...;m (với m là số tự nhiên dương).

Tương tự, việc tính toán điểm các chỉ số thành phần DDCI sở, ban, ngành cũng được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả các thông số. DDCI sở, ban, ngành nên được đánh giá theo lĩnh vực quản lý. Nếu xét theo phương pháp này, cách tính điểm số chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực quản lý như sau:

$$Dept_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

$Dept_t$: điểm chỉ số thành phần thứ t; có 6 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên t nhận giá trị từ 1-6;

m: số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần $Dict_t$; tùy từng chỉ số

thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

$P_1, P_2, P_3, \dots, P_m$: là điểm số của chỉ tiêu thứ 1;2;3;...;m (với m là số tự nhiên dương).

Xếp hạng

Đối với DDCI cấp huyện, điểm DDCI các huyện/thành phố sẽ được quy đổi tiếp về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp.

Hình 2.1. Thang điểm xếp hạng DDCI



Các huyện/thành phố đồng thời cũng được xếp vào các nhóm năng lực điều hành: Rất tốt (≥ 90 điểm), Tốt (Từ 80 đến <90), Khá (Từ 70 đến <80), Trung bình khá (Từ 60 đến <70), Trung bình (Từ 50 đến <60), Trung bình thấp (Từ 40 đến <50), Kém (Từ 30 đến <40), Rất kém (<30).

Tương tự, đối với DDCI sở, ban, ngành, điểm số của các lĩnh vực quản lý (thuộc phạm vi trách nhiệm, chức năng của các sở, ban, ngành) cũng được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp, với các thang điểm tương ứng như sau: Rất tốt (≥ 90 điểm), Tốt (Từ 80 đến <90), Khá (Từ 70 đến <80), Trung bình khá (Từ 60 đến <70), Trung bình (Từ 50 đến <60), Trung bình thấp (Từ 40 đến <50), Kém (Từ 30 đến <40), Rất

kém (<30).

Thang đo và cách xếp hạng để đánh giá khả năng đáp ứng giới của môi trường kinh doanh tại cấp huyện và cấp sở ban ngành tương tự thang đo chung để mang tính so sánh. Tuy nhiên, kết quả DDCI cho phép khai thác điểm số và xếp hạng khác biệt theo đánh giá của chủ cơ sở SXKD là nữ giới và chủ cơ sở SXKD là nam giới cụ thể đến từng chỉ tiêu. Nhờ đó, các huyện/thành phố và sở ban ngành có thể thấy nhìn nhận được điểm số, thứ hạng và sự khác biệt về năng lực cạnh tranh dưới lăng kính giới.

Tổng hợp dữ liệu cuối cùng và viết báo cáo phân tích

Bước cuối cùng là tổng hợp và xếp hạng các huyện theo thứ tự điểm số DDCI cấp huyện (DDCI cấp huyện/thành phố) hoặc DDCI cấp sở ban ngành theo lĩnh vực quản lý từ cao đến thấp. Các bảng khác tổng hợp kết quả của từng chỉ số thành phần và tiêu chí đánh giá cũng sẽ được trình bày cụ thể để làm tư liệu cho các huyện/thành phố hoặc sở ban ngành trong tỉnh tham khảo và có hướng cải thiện tình hình.

Sản phẩm cuối cùng được công bố là “Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, sở ban ngành vì sự phát triển của Doanh nghiệp và Doanh nhân Nữ tại Sơn La”, kết quả phân tích dữ liệu điều tra và phiếu khảo sát và chương chuyên đề về doanh nhân nữ.

3. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP HUYỆN VÀ SỞ, BAN, NGÀNH

Những sản phẩm này sẽ được giới thiệu tại Hội thảo công bố kết quả xếp hạng chỉ số, đồng thời được tải lên trang web chính thức của tỉnh Sơn La. Tổ công tác DDCI sẽ làm đầu mối chính thu thập các phản hồi và hoàn thiện sản phẩm. Đây là cơ sở quan trọng cho việc lập kế hoạch cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh và chương trình hành động tại các địa phương, sở ngành.

Năm 2021, để tăng cường phân tích đáp ứng giới, báo cáo DDCI làm sâu sắc hơn các phân tích theo chuyên đề giới trong DDCI cấp huyện và DDCI cấp sở ban ngành. Trong đó, làm nổi bật so sánh giữa cơ sở SXKD do nữ giới và nam giới làm chủ. Và từ đó dựa trên thang điểm và xếp hạng về môi trường kinh doanh theo giới chỉ ra đơn vị nào thực hiện chưa tốt. Cụ thể các kết quả này được làm rõ qua ba nội dung chính: (i) một số thông tin chung & tổng quan tình hình sản xuất & triển vọng kinh doanh theo giới; (ii) chỉ tiêu trực tiếp liên quan tới đáp ứng giới; (iii) chỉ tiêu đánh giá mức độ đáp ứng giới qua một số chỉ tiêu nổi bật. Bên cạnh đó, các số liệu về bình đẳng giới và phát triển bao trùm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Du lịch cũng được thông kê.

A. DDCI CẤP HUYỆN

1. Đối tượng điều tra

DDCI cấp huyện dựa trên quan điểm nền tảng là các cơ sở kinh tế kỳ vọng như thế nào đối với các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố trong công tác điều hành và quản trị kinh tế, đồng thời cũng được xây dựng dựa trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ và chức năng quản lý của cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố theo các quy định hiện hành của Việt Nam về tổ chức chính quyền địa phương. Do đó, đối tượng trả lời Phiếu DDCI Huyện, Thành phố gồm:

- Các hộ kinh doanh cá thể, cá nhân kinh doanh, tổ hợp tác lựa chọn trả lời các phiếu khảo sát DDCI cấp huyện (đánh giá năng lực quản lý, điều hành cấp huyện).
- Một số HTX được đăng ký tại cấp huyện, hoạt động chủ yếu trong địa bàn huyện và chủ yếu tương tác với chính quyền cấp huyện cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp huyện.
- Trong phiếu DDCI Huyện, Thành phố, thuật ngữ CSKD được sử dụng để hàm ý bao gồm các đối tượng trên.

Đối tượng mà DDCI cấp huyện quan tâm là chất lượng quản lý, điều hành kinh tế, cung cấp dịch vụ công cho các cơ sở kinh tế tại huyện, thành phố thuộc tỉnh. DDCI nhanh chóng trở thành chiếc gương phản chiếu chất lượng công tác quản lý, điều hành kinh tế của chính quyền địa phương cấp huyện, thành phố và đồng thời cũng

phản ánh mức độ hài lòng, triển vọng về môi trường kinh doanh và đầu tư tại các địa bàn trong tỉnh.

2. Huyện/thành phố thuộc danh sách đánh giá

12 huyện, thành phố của tỉnh Sơn La (thành phố Sơn La và 11 huyện: Bắc Yên, Mai Sơn, Mộc Châu, Mường La, Phù Yên, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu, Vân Hồ, Yên Châu).

3. Chỉ số thành phần và chỉ tiêu

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu của DDCI cấp huyện sẽ bao gồm hai phần chính: Chỉ số thành phần cốt lõi và chỉ số thành phần mở rộng.

Bên cạnh đó, phiếu khảo sát bổ sung câu hỏi mở nhằm thu thập ý kiến đóng góp, đề xuất, kiến nghị của các cơ sở sản xuất kinh doanh với địa phương cụ thể.

3.1. Chỉ số thành phần cốt lõi

Chỉ số thành phần cốt lõi gồm có 11 chỉ số thành phần tổng hợp từ hệ thống các chỉ tiêu. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu này thể hiện các lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế và liên quan trực tiếp tới các cơ sở sản xuất kinh doanh và môi trường kinh doanh tại tỉnh.

Qua 2 năm thực hiện bộ chỉ tiêu tương đối ổn định, DDCI năm 2021 cơ bản giữ nguyên các chỉ tiêu năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên góp ý cụ thể của các sở ban ngành và địa phương, nhóm chuyên gia rút gọn nội dung một số chỉ tiêu sao cho ngắn gọn, dễ hiểu và gần gũi hơn với các cơ sở SXKD.

DDCI năm 2021 cũng tiếp tục mở rộng đánh giá thêm 01 chỉ tiêu liên quan đến tính sẵn sàng liên kết với các cơ sở SXKD là nữ trong chuỗi liên kết. Thực tế, năm 2020, chỉ tiêu này đã được thực hiện qua phỏng vấn ngắn (qua điện thoại), tuy nhiên chưa đưa vào thống kê.

Cụ thể, các chỉ tiêu được chuyển đổi thành các câu hỏi trong phiếu đính kèm và bảng 1.

Bảng sau đây sẽ khái quát các chỉ số thành phần và chỉ tiêu theo hệ thống tương ứng.

BẢNG 1. CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN VÀ CÁC CHỈ TIÊU TRONG DDCI CẤP HUYỆN

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
1. Chi phí gia nhập thị trường	1.1. Thời gian tìm hiểu thông tin về thông tin về trình tự, thủ tục, yêu cầu để đăng ký (lần đầu hoặc bổ

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	<p>sung thay đổi)</p> <p>1.2. Mức độ thuận tiện của công thông tin điện tử các huyện/thành phố trong việc tìm kiếm thông tin, tải xuống các mẫu biểu về đăng ký kinh doanh (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)</p> <p>1.3. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong việc cung cấp dịch vụ công liên quan đến trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh</p> <p>1.4. Số lần đi lại để hoàn thành hồ sơ đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)</p> <p>1.5. Số lần đi lại để có được giấy đăng ký kinh doanh sau giấy hẹn</p> <p>1.6. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công về đăng ký kinh doanh</p>
<p>2. Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh</p>	<p>2.1. Tính thuận lợi trong việc có được địa điểm kinh doanh</p> <p>2.2. Chất lượng của các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn được cơ quan cấp huyện phê duyệt</p> <p>2.3. Tính ổn định và mức độ rủi ro bị thu hồi đất và địa điểm kinh doanh</p> <p>2.4. Khả năng thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch cho các cơ sở SXKD (cụm công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp) nếu có nhu cầu và đủ khả năng tài chính,</p> <p>2.5. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công về đất đai – địa chính.</p>
<p>3. Hiệu quả trong cấp phép và thanh tra, kiểm tra</p>	<p>3.1. Hiệu quả chung của dịch vụ công, TTHC trong việc cấp phép xây dựng (trong thẩm quyền của huyện)</p> <p>3.2. Hiệu quả của dịch vụ công, TTHC về cấp phép, kiểm tra việc thực hiện các quy tắc về an toàn và vệ sinh trong hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn</p> <p>3.3. Hiệu quả của dịch vụ công, TTHC về cấp phép,</p>

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	kiểm tra việc thực hiện các quy định về môi trường.
	3.4. Hiệu quả của dịch vụ công, TTHC về cấp phép, kiểm tra việc thực hiện phòng cháy- chữa cháy.
	3.5. Hiệu quả của dịch vụ công, TTHC về cấp phép, kiểm tra việc thực hiện quy định về lao động, an toàn lao động.
	3.6. Hiệu quả của dịch vụ công, TTHC về cấp phép, quản lý việc khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.
	3.7. Hiệu quả hoạt động của cơ quan đảm bảo an ninh trật tự
	3.8. Hiệu quả hoạt động của cơ quan kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường
	3.9. Số lần thanh tra, kiểm tra trong 1 năm
4. Hiệu quả của thủ tục thuế	4.1. Thời gian tìm hiểu về thông tin, quy định về thủ tục thuế
	4.2. Thời gian hoàn thành hồ sơ, giấy tờ thủ tục thuế
	4.3. Số lần đi lại để hoàn thành thủ tục thuế
	4.4. Mức độ công khai số thuế phải nộp của đối tượng chịu thuế
	4.5. Tính công bằng về mức thuế phải nộp
	4.6. Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, và Internet trong việc nộp thuế
	4.7. Hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về thuế
	4.8. Số lần kiểm tra, thanh tra về thuế trong một năm
	4.9. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công về thuế
5. Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo huyện	5.1. Hiểu và thực hiện hiệu quả quy định, chính sách của Nhà nước vì lợi ích của cơ sở sản xuất kinh doanh

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	<p>5.2. Trách nhiệm của người đứng đầu (lãnh đạo huyện)</p> <p>5.3. Tích cực, chủ động đưa ra các sáng kiến, kinh nghiệm tốt nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư.</p> <p>5.4. Tính tích cực và hiệu quả trong việc hình thành cơ chế liên thông, phối hợp giữa các phòng ban cấp huyện nhằm hỗ trợ giải quyết các công việc cho các cơ sở sản xuất kinh doanh</p> <p>5.5. Lãnh đạo chính quyền địa phương gần gũi, thân thiện, lắng nghe cơ sở sản xuất kinh doanh</p> <p>5.6. Chú trọng tới yếu tố bình đẳng giới, dân tộc thiểu số trong công tác điều hành tại huyện</p> <p>5.7. Tính năng động của lãnh đạo nữ trong các cơ quan chính quyền huyện</p> <p>5.8. Lãnh đạo huyện đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)</p> <p>5.9. Nỗ lực giải quyết vấn đề cho cơ sở SXKD trong phạm vi quyền hạn của mình và không đùn đẩy trách nhiệm lên cấp có thẩm quyền cao hơn trong giải quyết thủ tục cho DN/HTX/ HKD.</p>
<p>6. Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình</p>	<p>6.1. Mức độ thường xuyên của hoạt động đối thoại chính thức của lãnh đạo địa phương với các cơ sở SXKD.</p> <p>6.2. Tạo cơ hội để DN nữ/nhóm thiệt thòi... được bày tỏ ý kiến, lắng nghe và phản hồi/giải trình trong các đối thoại”?</p> <p>6.3. Hoạt động đối thoại đề cập tới các nội dung mà các cơ sở SXKD quan tâm hoặc vấn đề mà các cơ sở SXKD hay gặp phải (đăng ký kinh doanh, đất đai, giấy phép, thuế...)</p>

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	6.4. Sự hài lòng của các cơ sở SXKD đối với kết quả giải quyết các kiến nghị mà lãnh đạo địa phương có trách nhiệm hoặc cam kết giải quyết.
	6.5. Tích cực, nghiêm túc thực hiện lời hứa tại các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc cử tri/các cuộc gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp, doanh nhân
	6.6. Sự tồn tại và hiệu quả của cơ chế tiếp nhận phản hồi nhằm trực tiếp ghi nhận những ý kiến của các đối tượng kinh doanh.
	6.7. Mức độ tham vấn các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của huyện, xã, ngành có liên quan tới hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh
7. Minh bạch thông tin và đối xử công bằng	7.1. Tính tích cực, chủ động phổ biến các thông tin pháp luật, quy hoạch, quy định có liên quan để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của các cơ sở sản xuất kinh doanh.
	7.2. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định hành chính của huyện
	7.3. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của thông tin về quy hoạch, giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng của huyện
	7.4. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin và tính công khai của chính sách thuế và các thay đổi về quy định thuế
	7.5. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của thông tin về chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh (vay vốn ưu đãi, chương trình khuyến nông, khuyến công...).
	7.6. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai của các thông tin về đấu thầu, mua sắm công của các công trình, dịch vụ do huyện quản lý.
	7.7. Mức độ bình đẳng trong đối xử của chính quyền huyện khi tiếp cận các thông tin kinh doanh

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	7.8. Mức độ bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các hộ kinh doanh và các doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất kinh doanh và tiếp cận cơ hội kinh doanh, các chương trình chính sách hỗ trợ
	7.9. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận và tính công khai về các khoản thu chi ngân sách của huyện, đặc biệt các khoản thu thuế từ các cơ sở sản xuất kinh doanh.
	7.10. Hiệu quả trang web của huyện nhằm cung cấp thông tin cho các cơ sở sản xuất kinh doanh
	7.11. Hiệu quả của việc sử dụng các thông báo nơi công cộng và đài phát thanh huyện trong việc cung cấp thông tin cho các cơ sở sản xuất kinh doanh
8. Hiệu quả cải cách Thủ tục hành chính và bộ phận một cửa	8.1. Năng lực và sáng kiến của các cơ quan chính quyền tại huyện nhằm cải cách thủ tục hành chính.
	8.2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa
	8.3. Mức độ cải thiện của thủ tục hành chính của huyện
	8.4. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>đăng ký kinh doanh</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, thái độ, năng lực của cán bộ và chất lượng hướng dẫn
	8.5. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>đất đai- địa chính</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ.
	8.6. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>xây dựng</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ.
	8.7. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>công nghiệp</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ.

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	8.8. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>nông nghiệp</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ.
	8.9. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>dịch vụ, thương mại</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ.
	8.10. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>tài nguyên, khoáng sản</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ
	8.11. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>lao động</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ
	8.12. Hiệu quả của bộ phận một cửa dịch vụ công về <i>văn hóa – thể thao – du lịch</i> , bao gồm tuân thủ thời gian quy định thực hiện thủ tục, năng lực và thái độ của cán bộ
9. Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh	9.1. Hiệu quả của chương trình hỗ trợ các cơ sở SXKD khởi sự doanh nghiệp.
	9.2. Hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại (liên kết ngành nghề, tìm kiếm thị trường).
	9.3. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch tuyển dụng và hỗ trợ đào tạo dạy nghề cho người lao động trên địa bàn cấp huyện
	9.4. Hiệu quả công tác phổ biến thông tin ưu đãi vốn vay và các chương trình tín dụng sản xuất kinh doanh.
	9.5. Hiệu quả tổ chức, thực hiện các chương trình thi đua, khen thưởng các cơ sở SXKD.
	9.6. Sự quan tâm của chính quyền huyện về bình đẳng giới và dân tộc thiểu số trong các chương trình hỗ trợ

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
10. Chi phí không chính thức*	10.1. Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức trong việc thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện
	10.2. Mức độ/ quy mô của các chi phí không chính thức trong việc thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện
	10.3. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>đăng ký kinh doanh</i>
	10.4. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>thuế</i>
	10.5. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>đất đai – địa chính</i>
	10.6. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>xây dựng</i>
	10.7. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>công nghiệp</i>
	10.8. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>nông nghiệp</i>
	10.9. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>thương mại – dịch vụ</i>
	10.10. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>tài nguyên, khoáng sản</i>
	10.11. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>lao động</i>
	10.12. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức trong lĩnh vực <i>văn hóa – thể thao – du lịch</i>
	10.13. Xu thế chung về mức độ chi phí không chính thức mà cơ sở SXKD phải trả tại huyện trong năm vừa qua
11. Hiệu quả của công tác an ninh trật tự đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn	11.1. <i>Hiệu quả trong việc hỗ trợ các cơ sở SXKD tại huyện trong các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự trên địa bàn.</i>
	11.2. <i>Hiệu quả công tác an ninh trật tự tại huyện để cơ sở SXKD yên tâm sản xuất, kinh doanh.</i>

3.2. Chỉ số thành phần mở rộng

Các chỉ số thành phần mở rộng được xây dựng trên cơ sở thông tin thu thập từ quá trình điều tra đối với bảng câu hỏi. Các chỉ số thành phần mở rộng có các chỉ tiêu nhỏ nằm tại các chỉ số thành phần cốt lõi. Việc xây dựng các chỉ số mở rộng nhằm đánh giá sâu và nổi bật hơn đối với một số phương diện về quản lý, điều hành kinh tế riêng cho từng tỉnh, và cũng tùy thuộc vào các mối quan tâm của tỉnh.

Các chỉ số thành phần mở rộng như sau:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử) trong quản lý, điều hành;
- b) Chi phí và thời gian thực hiện TTHC và dịch vụ công.
- c) Chú ý tới phát triển bền vững và bao trùm trong quản lý, điều hành kinh tế.

Bảng 2. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu mở rộng trong DDCI cấp huyện

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU ĐƯỢC LẤY TỪ CHỈ TIÊU CỐT LÕI
1. Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử)	1.1. Mức độ hữu dụng của trang web của huyện trong việc tìm kiếm thông tin, tải xuống các mẫu biểu về đăng ký kinh doanh (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)
	1.2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm chính phủ điện tử trong việc cung cấp dịch vụ công liên quan đến trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh
	1.3. Hiệu quả trang web, công nghệ thông tin và nền tảng Internet của huyện trong cung cấp thông tin cho các cơ sở SXKD
	1.4. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, phần mềm chính phủ điện tử trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa
2. Chi phí, thời gian thực hiện TTHC và dịch vụ công	2.1. Thời gian tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục, yêu cầu để đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi) cơ sở SXKD
	2.2. Số lần đi lại để hoàn thành hồ sơ đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi)
	2.3. Số lần đi lại để có được giấy đăng ký kinh doanh sau giấy hẹn
	2.4. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công, bao gồm chi phí và thời gian thực hiện về đăng ký kinh doanh
	2.5. Hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công bao gồm chi phí và thời gian thực hiện về đất đai – địa chính.
	2.6. Tích cực đưa ra các sáng kiến, chương trình nhằm cắt giảm chi phí và thời gian, hỗ trợ các cơ sở SXKD tại huyện
	2.7. Tính tích cực trong việc hình thành cơ chế liên thông, phối hợp giữa các phòng ban cấp huyện nhằm hỗ trợ giải quyết các công việc cho các cơ sở SXKD
	2.8. Nỗ lực và sáng kiến của các cơ quan chính quyền tại huyện nhằm cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm chi

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU ĐƯỢC LẤY TỪ CHỈ TIÊU CỐT LÕI
	<p>phí và thời gian</p> <p>2.9. Mức độ cải thiện chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công nhằm cắt giảm chi phí và thời gian thực hiện TTHC tại huyện</p>
3. Phát triển bền vững và bao trùm	<p>3.1. Lãnh đạo huyện đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)</p> <p>3.2. Chú trọng tới yếu tố bình đẳng giới, dân tộc thiểu số trong công tác điều hành tại huyện</p> <p>3.3. Chú trọng tới yếu tố môi trường, sinh thái trong công tác điều hành tại huyện</p> <p>3.4. Sự quan tâm của chính quyền huyện về bình đẳng giới và dân tộc thiểu số trong các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh</p>

B. DDCI SỞ BAN NGÀNH

1. Đối tượng điều tra

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với các cơ quan chính quyền cấp huyện, thành phố. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và chính quyền huyện cũng rất khác nhau. Do đó, đối tượng trả lời Phiếu DDCI Sở, Ban, Ngành gồm:

- Các doanh nghiệp hoặc HTX lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI sở, ban, ngành (đánh giá năng lực quản lý, điều hành cấp sở, ban, ngành).
- Trong một số trường hợp, các hộ kinh doanh cá thể có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu sở, ban, ngành trong trường hợp hộ kinh doanh đó thực sự thực hiện thủ tục hành chính với sở, ban, ngành hoặc thực sự có sự tương tác về quản lý điều hành (ví dụ như qua cấp phép, thanh tra, kiểm tra...) với sở, ban, ngành.
- Trong phiếu DDCI Sở, Ban, Ngành, sẽ sử dụng thống nhất cụm thuật ngữ Doanh nghiệp/ HTX. Doanh nghiệp là các doanh nghiệp, công ty được đăng ký theo Luật Doanh nghiệp. Hợp tác xã là các HTX được đăng ký theo Luật Hợp tác xã.

Mục tiêu hướng tới của việc triển khai DDCI sở, ban, ngành là thúc đẩy cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành tại mỗi tỉnh, tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi, thông thoáng, minh bạch tại địa phương. Trên cơ sở đó, DDCI Sở, ban, ngành sẽ tập trung đánh giá các sở, ban, ngành và cơ quan cấp tỉnh chính như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư
2. Sở Giao thông vận tải
3. Sở Xây dựng
4. Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và CNCH - Công an tỉnh
5. Sở Tài nguyên và Môi trường
6. Cục Thuế
7. Chi cục Hải quan
8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9. Bảo hiểm Xã hội
10. Sở Công Thương
11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

12. Sở Y Tế
13. Sở Giáo dục và Đào tạo
14. Sở Khoa học và Công nghệ
15. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
16. Sở Thông tin và Truyền thông
17. Sở Tư pháp
18. Sở Tài chính
19. Ngân hàng nhà nước tỉnh Sơn La
20. Điện lực Sơn La
21. Cục Quản lý thị trường
22. BQL các khu công nghiệp tỉnh

Cụ thể hơn, DDCI đánh giá và chấm điểm theo chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ công của từng sở, ban, ngành cho doanh nghiệp. Thông qua điều tra DDCI, có thể dễ dàng chẩn đoán được về chất lượng điều hành trong các **lĩnh vực cụ thể** như sau:

- 1) Đăng ký Kinh doanh
- 2) Đầu tư
- 3) Xây dựng
- 4) Phòng cháy Chữa cháy
- 5) Đất đai
- 6) Tài nguyên Môi trường
- 7) Thuế
- 8) Hải quan
- 9) Giao thông, Vận tải
- 10) Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động
- 11) Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế
- 12) Công nghiệp, Thương mại
- 13) Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản
- 14) Y tế
- 15) Giáo dục, Đào tạo

- 16) Khoa học, Công nghệ.
- 17) Văn hóa, Du lịch
- 18) Thông tin, Truyền thông, Viễn thông
- 19) Tư pháp
- 20) Tài chính
- 21) Hoạt động tiền tệ, ngân hàng và ngoại hối
- 22) Tiếp cận điện năng
- 23) Quản lý thị trường
- 24) Quản lý Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế

Năm 2020, do số lượng mẫu của lĩnh vực Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đơn thư của DN và HKD không đủ đảm bảo số tối thiểu (dưới 10 mẫu) nên kết quả của Thanh tra tỉnh mang tính tham khảo và không đưa vào xếp hạng. Do đó, năm 2021, nhóm chuyên gia đề xuất không đưa Thanh tra tỉnh vào danh sách đánh giá. Điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu thực tiễn tại các địa phương khác và thực tiễn tại địa phương năm 2020.

Bên cạnh đó, dựa trên kinh nghiệm triển khai năm 2020 và văn bản đề nghị của các sở ban ngành, báo cáo phương pháp luận DDCI 2020 bổ sung và điều chỉnh đối tượng lấy mẫu của NHNN. Cụ thể như sau:

Cụ thể:

Bảng 3. Các nội dung về về lĩnh vực chức năng về quản lý nhà nước/ dịch vụ công cho doanh nghiệp

LĨNH VỰC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ	SỞ, BAN, NGÀNH	GHI CHÚ <i>(Chọn lọc những chức năng quản lý nhà nước có liên quan tới doanh nghiệp)</i>	VÍ DỤ: MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ DỊCH VỤ CÔNG PHỔ BIẾN
1. Tiền tệ, hoạt động ngân hàng, ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung	Đối tượng phỏng vấn là: - Các tổ chức tín dụng trên địa bàn (Chi nhánh các Ngân hàng thương mại, các Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài

	Sơn La	<p>ương theo ủy quyền của Thống đốc trong đó có một số nhiệm vụ sau liên quan tới doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, chấp thuận việc mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể tổ chức tín dụng và chấp thuận nội dung khác của các tổ chức tín dụng trên địa bàn theo ủy quyền của Thống đốc. 2. Giám sát, chỉ đạo việc mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, kiểm soát đặc biệt và giải thể tổ chức tín dụng trên địa bàn theo ủy quyền của Thống đốc. 3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối. 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng trung ương khác cho các tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước. 5. Quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng 	<p>chính vi mô).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ được NHNN cấp Giấy chứng nhận. - Các doanh nghiệp có đăng ký vay trả nợ nước ngoài tại NHNN.
--	--------	---	--

Thiết kế phiếu câu hỏi đối với sở, ban, ngành

Bảng câu hỏi sẽ được xây dựng theo hình thức chuẩn hóa, đồng nhất và có thể áp dụng cho tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Do vậy, dự kiến sẽ có từ 15-20 phiếu khác nhau về lĩnh vực đánh giá cho 15-20 nhóm đối tượng doanh nghiệp mẫu như bảng trên. Mỗi mẫu phiếu bao gồm các đánh giá dành cho từ 2-3 lĩnh vực để đảm bảo số mẫu cần thiết.

Tuy nhiên, hệ thống các câu hỏi và tiêu chí là như nhau. Việc ghép mẫu phiếu để phù hợp với số lượng lĩnh vực đánh giá trong điều kiện nguồn lực giới hạn.

Danh sách mẫu phiếu, ghép phiếu cơ bản tương tự năm 2020, có điều chỉnh dựa trên thực tế doanh nghiệp thực hiện TTHC tại các sở ban ngành.

2. Chỉ số thành phần và chỉ tiêu

DDCI sở ban ngành bao gồm các chỉ số thành phần cốt lõi và chỉ số thành phần mở rộng. Bên cạnh đó, phiếu khảo sát bổ sung câu hỏi mở nhằm thu thập ý kiến đóng góp, đề xuất, kiến nghị của các cơ sở sản xuất kinh doanh với sở ban ngành cụ thể.

2.1. Chỉ số thành phần cốt lõi

Chỉ số thành phần cốt lõi DDCI cấp sở, ban, ngành cho một lĩnh vực chức năng quản lý đánh giá gồm có 6 chỉ số thành phần và hệ thống các chỉ tiêu cốt lõi. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu này thể hiện các lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế và liên quan trực tiếp tới các doanh nghiệp, HTX và môi trường kinh doanh tại tỉnh.

Tương tự DDCI cấp huyện, DDCI sở, ban ngành Sơn La năm 2021 cơ bản giữ nguyên các chỉ tiêu đã được kiểm nghiệm và rà soát trước đó, giữ tính ổn định về phương pháp luận. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu sẽ được rút gọn, làm ngắn gọn nội dung và gần gũi hơn với các cơ sở SXKD.

Cụ thể, các chỉ tiêu được chuyển đổi thành các câu hỏi trong phiếu đính kèm và bảng 4.

BẢNG 4: CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN VÀ CÁC CHỈ TIÊU TRONG DDCI CẤP SỞ, NGÀNH

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
1. Hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch	1.1. Hiệu quả của các nỗ lực thực hiện cải cách giảm thời gian và chi phí, đảm bảo an toàn cho phụ nữ và các nhóm thiệt thòi khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý
	1.2. Chất lượng tham mưu đối với những chính sách, chương trình, quy hoạch, quyết định hành chính do tỉnh ban hành và triển khai
	1.3. Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý
	1.4. Hiệu quả vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật do trung ương ban hành nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	<p>1.5. Các nội dung về phát triển bao trùm (giới, dân tộc thiểu số, xã hội...) đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch</p> <p>1.6. Các nội dung về môi trường, sinh thái và phát triển bền vững trong công tác điều hành đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch</p>
<p>2. Chất lượng dịch vụ công</p>	<p>2.1. Mức độ hài lòng đối với dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>2.2. Hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến/ chính phủ điện tử trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>2.3. Hiệu quả bộ phận một cửa trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>2.4. Mức độ hài lòng đối với thái độ phục vụ, chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp khi tiếp xúc với doanh nghiệp</p> <p>2.5. Hiệu quả phối hợp giữa các sở ngành liên quan</p> <p>2.6. Hiệu quả trong phối hợp với Văn phòng Ủy ban trong việc giải quyết các TTHC cho doanh nghiệp.</p> <p>2.7. Nỗ lực giải quyết vấn đề cho DN trong phạm vi quyền hạn của mình và không đùn đẩy trách nhiệm sang sở ban ngành khác hoặc cấp có thẩm quyền cao hơn</p> <p>2.8. Các yếu tố giới, dân tộc thiểu số được quan tâm, chú ý trong quá trình cung cấp dịch vụ công</p>
<p>3. Minh bạch thông tin và đối xử công bằng</p>	<p>3.1. Tính dễ dàng trong tiếp cận thông tin hướng dẫn về TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>3.2. Tính dễ hiểu của các văn bản, thông tin, tài liệu hướng dẫn về TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>3.3. Tính chủ động và hiệu quả của cơ quan nhà nước trong việc phổ biến, cung cấp hướng dẫn về văn bản pháp luật trong lĩnh vực thuộc chức năng</p>

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	<p>quản lý</p> <p>3.4. Chất lượng của thông tin hướng dẫn về TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trên website của sở ban ngành</p> <p>3.5. Tính rõ ràng, hữu dụng trong việc giải đáp các thắc mắc cho doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý</p> <p>3.6. Công bằng, không phân biệt đối xử với một doanh nghiệp, hoặc một số nhóm doanh nghiệp (bao gồm cả các DN làm việc với/của phụ nữ, các nhóm thiệt thòi như: Người khuyết tật, người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt) trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>3.7. Công bằng, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp khi thực hiện TTHC và tiếp cận ưu đãi, chính sách trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý</p> <p>3.8. Bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới</p> <p>3.9. Tính dễ dàng và khả năng tiếp cận các TTHC và dịch vụ công của phụ nữ, các nhóm thiệt thòi như người khuyết tật, người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt)</p>
<p>4. Tính năng động và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo</p>	<p>4.1. Chủ động thực hiện sáng kiến, chương trình nhằm cải thiện chất lượng quản lý, điều hành và chất lượng dịch vụ công</p> <p>4.2. Nghiêm túc trong việc hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp khi gặp khó khăn</p> <p>4.3. Tích cực tham gia các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp</p> <p>4.4. Tinh thần nghiêm túc trong thực hiện có hiệu quả các cam kết với doanh nghiệp trong quá trình đối thoại</p> <p>4.5. Tinh thần trách nhiệm, bao gồm trách nhiệm của người đứng đầu, trong việc thực thi các quy định, chính sách</p>

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU/TIÊU CHÍ
	4.6. Quan tâm tới dân tộc thiểu số, bình đẳng giới trong quá trình thực thi chính sách, chương trình, quy hoạch
	4.7. Tính năng động của lãnh đạo nữ trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý
5. Chi phí không chính thức	5.1. Tạo điều kiện, khuyến khích sự tham gia của phụ nữ trong đối thoại chính sách
	5.2. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức mà doanh nghiệp tại tỉnh phải trả trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý
	5.3. Xu thế về mức độ chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trong năm vừa qua
6. Hỗ trợ kinh doanh và doanh nghiệp	6.1. Tính tích cực và thể hiện tinh thần hỗ trợ cơ sở SXKD, doanh nghiệp khi DN gặp khó khăn, vướng mắc.
	6.2. Tích cực chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)
	6.3. Tích cực triển khai các chương trình (của trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD/DN/HTX trên địa bàn tỉnh
	6.4. Tính minh bạch, công bằng trong các chương trình, hoạt động hỗ trợ.
	6.5. Tác động của các hoạt động hỗ trợ đối với DN/HTX trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN/HTX

2.2. Chỉ số thành phần mở rộng

Tương tự như DDCI cấp huyện, các chỉ số thành phần mở rộng được xây dựng trên cơ sở thông tin thu thập từ quá trình điều tra đối với bảng câu hỏi. Các chỉ số thành phần mở rộng có các chỉ tiêu nhỏ nằm tại các chỉ số thành phần cốt lõi. Có thể xây dựng các chỉ số mở rộng nhằm đánh giá sâu và nổi bật hơn đối với một số phương diện về quản lý, điều hành kinh tế. Các chỉ số thành phần mở rộng

này được thực hiện bổ sung và không yêu cầu phải thay đổi nội dung phiếu khảo sát qua các năm.

Các chỉ số thành phần mở rộng như sau:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử) trong quản lý, điều hành;
- b) Chi phí và thời gian thực hiện TTHC và dịch vụ công
- c) Chú ý tới phát triển bao trùm, phát triển bền vững trong quản lý, điều hành kinh tế

Ngoài các chỉ số mở rộng này, báo cáo phân tích kết quả DDCI cuối cùng cũng sẽ làm rõ và so sánh các sở, ban, ngành về các chỉ tiêu như trách nhiệm của người đứng đầu.

Bảng 5. Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu mở rộng trong DDCI sở, ban, ngành cấp tỉnh

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU ĐƯỢC LẤY TỪ CHỈ TIÊU CỐT LÕI
1. Ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử - e-gov)	1.1. Hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến/ chính phủ điện tử trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của sở, ban, ngành
	1.2. Hiệu quả của việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử (e-gov) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công
	1.3. Tính dễ dàng trong tiếp cận và tìm hiểu các thông tin, văn bản hướng dẫn, tải xuống các mẫu biểu để thực hiện TTHC và dịch vụ công từ các trang web, cổng dịch vụ công chính phủ điện tử
	1.4. Chất lượng của thông tin hướng dẫn về thực hiện TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trên website của sở, ban, ngành hoặc tỉnh
2. Chi phí, thời gian thực hiện TTHC và dịch vụ công	2.1. Hiệu quả của các nỗ lực thực hiện cải cách nhằm cắt giảm chi phí và thời gian cho DN/HTX khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý
	2.2. Thanh tra, kiểm tra đối với một DN/HTX trong một năm trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU ĐƯỢC LẤY TỪ CHỈ TIÊU CỐT LÕI
	2.3. Tính dễ dàng trong tiếp cận và tìm hiểu các thông tin, văn bản hướng dẫn, tải xuống các mẫu biểu để thực hiện TTHC và dịch vụ công từ các trang web, cổng dịch vụ công chính phủ điện tử
3. Phát triển bền vững và bao trùm	3.1. Các nội dung về phát triển bao trùm (giới, dân tộc thiểu số, xã hội...) đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch
	3.2. Các nội dung về môi trường, sinh thái và phát triển bền vững trong công tác điều hành đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch
	3.3. Các yếu tố giới, dân tộc thiểu số được quan tâm, chú ý trong quá trình cung cấp dịch vụ công
	3.4. Công bằng, không phân biệt đối xử về giới trong minh bạch thông tin và đối xử công bằng
	3.5. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này tích cực, quan tâm chú ý tới dân tộc thiểu số, bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, thực thi chính sách, chương trình, quy hoạch
	3.6. Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Kế hoạch thực hiện

Năm 2021, kế hoạch khảo sát, xếp hạng và công bố kết quả cụ thể như sau:

- Tháng 8/2021: Tổ công tác phối hợp với Cục thống kê, VNPT, các sở ban ngành và các bên liên quan khác tổng hợp và cung cấp tổng thể mẫu
- Tháng 9/2021: Chuẩn bị khảo sát DDCI: chọn mẫu, tập huấn điều tra viên, bố trí nguồn lực và lên kế hoạch khảo sát DDCI 2021
- Tháng 10/2021 -11/2021: Tiến hành khảo sát, mã hóa và xử lý dữ liệu
- Tháng 11: Xử lý số liệu, phân tích, đánh giá và báo cáo sơ bộ kết quả DDCI 2021
- Tháng 12/2021: Công bố kết quả đánh giá, xếp hạng DDCI Sơn La 2021

4.2. Cơ chế phối hợp thực hiện

Bảng 4. Cơ chế phối hợp thực hiện công việc

STT	Đơn vị	Nội dung công việc
	Tổ công tác DDCI	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng và thống nhất cơ chế về thực hiện, cơ chế tài chính.- Phối hợp và theo dõi chất lượng của điều tra, khảo sát. Kịp thời hỗ trợ, xử lý các vấn đề gặp phải trong quá trình điều tra khảo sát từ phản hồi các cơ sở kinh doanh.- Hỗ trợ tư vấn về mặt kỹ thuật khi cần thiết- Tiếp nhận kết quả đánh giá, xếp hạng DDCI và dữ liệu có liên quan từ đơn vị tư vấn; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và tổ chức công bố kết quả DDCI.
	Economica Vietnam	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện đầy đủ và đúng theo thỏa thuận liên danh đã ký với Ban Quản lý Dự án- Phối hợp với Cục Thống kê để triển khai khảo sát trên địa bàn đã được chọn lựa- Đảm bảo chất lượng của việc điều tra khảo sát- Thực hiện toàn bộ các công việc xây dựng phần

STT	Đơn vị	Nội dung công việc
		<p>mềm, nhập số liệu, xử lý số liệu, tính toán, xếp hạng, viết báo cáo và hoàn thiện báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ sở dữ liệu về DDCI Sơn La để có thể chia sẻ với các cơ quan cấp tỉnh, hoặc với công chúng khi cần thiết. - Báo cáo thường xuyên với Ban Quản lý Dự án về tiến độ thực hiện của dự án - Tham vấn ý kiến của các chuyên gia từ VCCI và CIEM về các nội dung có liên quan
	Cục Thống kê tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm (1) Cung cấp danh sách điều tra viên tại địa phương đảm bảo có năng lực và trách nhiệm với công việc; (2) thực hiện công tác chọn mẫu điều tra; và (3) tiến hành điều tra theo phương án được lựa chọn và mã hóa câu trả lời.
	Huyện/thành phố, Sở ban ngành khác	<ul style="list-style-type: none"> - Cục thống kê, Cục thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành, các huyện có nhiệm vụ tham vấn, cung cấp mẫu, hỗ trợ cũng như phối hợp thực hiện việc điều tra khảo sát cùng nhóm nghiên cứu - Cung cấp danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã thực hiện một dịch vụ công, hoặc thủ tục hành chính, hoặc có quan hệ công tác tại cơ quan, đơn vị (dưới bất kỳ hình thức nào) trong vòng 2-3 năm vừa qua gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp cung cấp cho đơn vị tư vấn thực hiện chọn mẫu khảo sát, điều tra. - Sở tài chính: cung cấp danh sách tổng thể: <ul style="list-style-type: none"> • DN/HTX/HKD thực hiện thủ tục hành chính hoặc dịch vụ công với đơn vị trong khoảng thời gian 2-3 năm gần nhất • Danh sách doanh nghiệp đăng kí giá/kê khai giá/hiệp thương giá thuộc thẩm quyền Sở Tài chính • Danh sách doanh nghiệp được quy định giá đền

STT	Đơn vị	Nội dung công việc
		<p>bù, thẩm định giá để bồi thường khi giải phóng mặt bằng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp tuyên truyền cho hoạt động nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh
	<p>Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Sơn La; Chi hội doanh nghiệp các huyện, thành phố; Liên minh Hợp tác xã</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Góp phần giám sát tính khách quan của khảo sát - Hỗ trợ các hoạt động, chương trình, hội thảo trong chuỗi hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh cấp huyện, sở ban ngành. - Tham gia tập huấn nâng cao năng lực (nếu có) - Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng doanh nghiệp, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện khảo sát, điều tra DDCI tỉnh.
	<p>Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La; Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La; Cổng thông tin các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp trong công tác truyền thông về việc triển khai đánh giá Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở ban ngành tỉnh Sơn La. Kịp thời đưa tin trong quá trình điều tra, khảo sát, lấy ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về bộ chỉ số DDCI và các hoạt động của dự án tỉnh Sơn La.